

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1027/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/10/2018  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Không Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Thị Thùy Châu
2. Ông Phạm Ngọc Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 770/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị D; sinh năm: 1968

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Dũng S; sinh năm: 1964

Đồng địa chỉ: 558/3 đường B, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

(Các bên đương sự có mặt tại Tòa )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Dũng S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ ngày 20/11/1988. Anh, chị chỉ tổ chức lễ cưới nhưng

không đăng ký kết hôn và từ đó cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi đến với nhau, anh chị sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cờ bạc, nợ nần một mình chị phải trả nợ cho anh S, chị đã nhiều lần nói chuyện với anh S nhưng anh không nghe còn la mắng chị; chị đã cố gắng bỏ qua cho anh S để nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Hiện nay chị bị bệnh ung thư, chị muốn tự do để sống quãng đời còn lại với các con. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh S không còn nên yêu cầu Tòa không công nhận chị và anh S là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị với anh S có hai con chung tên Huỳnh Lê Đoan Tr, sinh ngày 24/9/1989, Huỳnh Dũng T, sinh ngày 02/01/1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Huỳnh Dũng S trình bày:*

Anh và chị D chung sống với nhau từ ngày 20/11/1988, anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn vì tại thời điểm đó chị D không có hộ khẩu ở Tp. Q và cũng không có giấy tờ tùy thân. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh mất khả năng sinh hoạt vợ chồng, hay đau ốm nên chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Mặc dù anh đau bệnh nhưng chị D không quan tâm, lo lắng cho anh. Nay chị D yêu cầu không công nhận anh chị là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung tên Huỳnh Lê Đoan Tr, sinh ngày 24/9/1989, Huỳnh Dũng T, sinh ngày 02/01/1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Áp dụng điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: **Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh S nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.**

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S chung sống với nhau từ ngày 20/11/1988 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cờ bạc gây nợ nần một mình chị phải trả nợ cho anh S; chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Theo anh S nguyên nhân anh và chị D mâu thuẫn là do anh mất khả năng sinh hoạt vợ chồng từ đó chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không quan tâm, lo lắng cho anh; mặc dù anh chị còn sống chung nhưng không có trách nhiệm với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S, anh đồng ý với yêu cầu của chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh S chung sống với nhau từ ngày 20/11/1988, anh, chị có đủ điều kiện để kết hôn nhưng từ năm 1988 đến nay anh chị không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị D, anh S có hai con chung tên Huỳnh Lê Đoan Tr, sinh ngày 24/9/1989, Huỳnh Dũng T, sinh ngày 02/01/1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Dũng S không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000061 ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khổng Lan Hương**



